

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 1994

PHÁP LỆNH

BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

1- Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ tác phẩm hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

2- Nhưng người sau đây cũng được công nhận là tác giả:

- Người dịch tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác;
- Người phóng tác từ tác phẩm đã có, người cải biên, chuyển thể từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác;
- Người biên soạn, chú giải, tuyển chọn các tác phẩm của người khác thành tác phẩm có tính sáng tạo.

Điều 2

Quyền tác giả là các quyền về tinh thần và vật chất của tác giả.

Điều 3

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả đối với:

- 1- Tác phẩm của công dân, tổ chức Việt Nam đã công bố hoặc chưa công bố;
- 2- Tác phẩm của tác giả nước ngoài chưa được công bố mà lần đầu tiên được công bố ở Việt Nam hoặc được công bố ở Việt Nam trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày tác phẩm được công

bố lần đầu tiên ở nước khác, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú của tác giả.

Tác phẩm của tác giả nước ngoài đã công bố ở nước ngoài được phổ biến tại Việt Nam được bảo hộ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 4

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, không phân biệt hình thức thể hiện, bao gồm:

- 1- Tác phẩm viết;
- 2- Các bài giảng, bài phát biểu và tác phẩm được diễn đạt bằng lời nói;
- 3- Tác phẩm sân khấu;
- 4- Tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-đi-ô;
- 5- Tác phẩm nhiếp ảnh;
- 6- Tác phẩm âm nhạc;
- 7- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
- 8- Tác phẩm kiến trúc;
- 9- Phần mềm máy tính;
- 10- Công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình;
- 11- Các bức hoạ đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
- 12- Tác phẩm dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể;
- 13- Tuyển tập, hợp tuyển;
- 14- Tác phẩm khác được pháp luật quy định bảo hộ.

Tác phẩm được bảo hộ phải là bản gốc.

Điều 5

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả đối với tác giả đăng ký tên thật hoặc bút danh cùng với tác phẩm của mình tại cơ quan bảo hộ quyền tác giả. Nhà nước cũng bảo hộ quyền tác giả theo quy định của Pháp lệnh này đối với tác giả không đăng ký nhưng có yêu cầu được bảo hộ.

Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Điều 6

Pháp lệnh này không áp dụng đối với:

1- Văn bản của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và bản dịch của những văn bản đó;

2- Tin tức thời sự.

Quyền tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

Điều 7

Tác giả, người sở hữu quyền tác giả quy định tại Điều 24 của Pháp lệnh này, phải tuân theo các quy định của pháp luật khi sử dụng quyền tác giả.

Nhà nước không bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm có nội dung sau đây:

1- Chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

2- Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hoá phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

3- Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định;

4- Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Điều 8

Việc bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian do Chính phủ quy định.

Điều 9

Trong Pháp lệnh này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1- Tác phẩm đồng tác giả là tác phẩm do hai người trở lên cùng sáng tạo ra.

2- Phần mềm máy tính là một hoặc một nhóm chương trình được biểu hiện dưới dạng chuỗi lệnh viết theo một ngôn ngữ lập trình nào đó và các tệp dữ liệu có liên quan, chỉ dẫn cho máy tính hoặc hệ thống tin học biết phải làm gì để thực hiện nhiệm vụ đã được đề ra. Phần mềm máy tính có thể được cài đặt ngay trong máy tính hoặc được lưu trữ ở ngoài máy tính dưới các hình thức khác nhau như văn bản, đĩa từ, đĩa quang.

3- Tác phẩm di cảo là tác phẩm của người chết để lại chưa được công bố.

- 4- Tác phẩm đã công bố là tác phẩm được trình bày trước công chúng dưới dạng thuyết trình, trưng bày, xuất bản, biểu diễn, phát thanh, truyền hình.
- 5- Tác phẩm phóng tác là tác phẩm được sáng tạo ra dựa theo nội dung của một tác phẩm khác.
- 6- Tác phẩm cải biên là tác phẩm viết lại từ một tác phẩm đã có.
- 7- Tác phẩm chuyển thể là tác phẩm chuyển từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình nghệ thuật khác.
- 8- Tác phẩm tuyển tập là tác phẩm được tuyển chọn từ nhiều tác phẩm riêng rẽ của một tác giả.
- 9- Tác phẩm hợp tuyển là tác phẩm được tuyển chọn từ các tác phẩm của nhiều tác giả.
- 10- Tác phẩm biên soạn là tác phẩm được tuyển chọn theo một chủ đề có thể bình luận, đánh giá.
- 11- Bản gốc là bản sáng tác hoàn chỉnh đầu tiên của tác giả.

CHƯƠNG II

QUYỀN TÁC GIẢ

MỤC 1

QUYỀN CỦA TÁC GIẢ

Điều 10

Tác giả có quyền sau đây:

- 1- Sở hữu đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra;
- 2- Đặt tên hoặc bút danh trên tác phẩm của mình; được nêu tên hoặc bút danh khi tác phẩm được sử dụng;
- 3- Được bảo hộ sự toàn vẹn tác phẩm, cho hoặc không cho người khác sửa đổi tác phẩm của mình;
- 4- Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình;
- 5- Hướng nhuận bút hoặc thù lao khi tác phẩm được sử dụng;

6- Cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm của mình và được hưởng lợi ích vật chất từ việc cho sử dụng tác phẩm.

Điều 11

Đối với tác phẩm đồng tác giả, thì quyền tác giả thuộc sở hữu chung của các tác giả.

Trường hợp tác phẩm gồm các phần riêng biệt, có thể tách ra để sử dụng độc lập, thì tác giả có quyền sử dụng độc lập và hưởng các quyền tác giả đối với phần tách riêng đó, nếu các đồng tác giả không có thoả thuận khác.

Điều 12

Đối với tác phẩm do tập thể sáng tạo mà có chủ biên thì:

- 1- Chủ biên được hưởng các quyền quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Pháp lệnh này.
- 2- Các tác giả khác được hưởng các quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 10 và Điều 11 của Pháp lệnh này và được hưởng lợi khi tác phẩm được sử dụng.

Điều 13

1- Đối với tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-di-ô, sân khấu thì đạo diễn, biên kịch, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ được hưởng các quyền quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 10 và Điều 11 của Pháp lệnh này.

2- Cá nhân, tổ chức sản xuất ra tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình, vi-di-ô, sân khấu được hưởng các quyền quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này.

Điều 14

Đối với tác phẩm sáng tạo trong phạm vi trách nhiệm của tác giả khi thực hiện nhiệm vụ được tổ chức giao hoặc theo hợp đồng, thì tác giả có các quyền quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 10 của Pháp lệnh này, nếu giữa tác giả và tổ chức giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng không có thoả thuận khác; tổ chức giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng có các quyền quy định tại các khoản 1, 4 và 6 Điều 10 của Pháp lệnh này.

Điều 15

Người dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể được hưởng quyền tác giả theo quy định tại các điều 10, 11, 12, 13 và 14 của Pháp lệnh này, nhưng phải thực hiện các quy định sau đây:

- 1- Phải được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm gốc;